Những câu hát về tình cảm gia đình….

**I. Mở bài**

-Giới thiệu khái quát về thể loại ca dao, dân ca (khái niệm, đặc điểm nội dung và nghệ thuật,…)

-Giới thiệu về chùm ca dao, dân ca những câu hát về tình cảm gia đình (khái quát giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật,…)

**II. Thân bài**

**1.Bài 1: Lời mẹ hát ru con**

-Biện pháp so sánh: công cha – núi ngất trời, nghĩa mẹ - nước ở ngoài biển Đông

⇒Dùng cái rộng lớn, mênh mông của thiên nhiên để gợi nên công lao to lớn, không gì sánh bằng của cha mẹ

Cù lao chín chữ”: hình ảnh ẩn dụ quen thuộc, nói lên lòng biết ơn của con cái đối với cha mẹ, đồng thời làm tăng thêm âm điệu tôn kính, nhắn nhủ, tâm tình của câu hát

⇒Với việc sử dụng biện pháp so sánh, hình ảnh ẩn dụ bài ca dao đã ngợi ca công lao to lớn của cha mẹ. Đồng thời, qua đó, răn dạy con cháu phải luôn ghi nhớ và báo đáp công ơn to lớn ấy

**2.Bài 2: Lời người con gái lấy chồng xa quê với mẹ**

-Thời gian: chiều chiều –thời gian buổi chiều gợi cảm giác buồn, nhớ nhà và từ láy “chiều chiều” gợi cảm giác tuần hoàn, lặp đi lặp lại

-Không gian: ngõ sau – gợi sự vắng lặng, không gian rộng lớn, mênh mông, gợi sự cô đơn, buồn tẻ

-Nỗi niềm của người con gái:

   +Trông về quê mẹ: một cái nhìn đăm đăm, đầy thương nhớ

   +Ruột đau chín chiều: nỗi cô đơn làm dâu xứ lạ, nhớ thương cha mẹ, tê tái, đau buồn không giúp đỡ được cha mẹ.

⇒Không gian và thời gian gợi nên nỗi buồn, cảnh ngộ cô đơn, buồn tủi của cô gái lấy chồng xa, đây cũng chính là số phận của người phụ nữ trong xã hội trọng nam khinh nữ.

**3.Bài 3: Lời của con cháu với ông bà**

-Ngó lên: hành động gợi sự trân trọng, tôn kính

-Hình ảnh “nuộc lạt mái nhà”: nhiều, gợi sự kết nối bền chặt, không tách rời của sự vật cũng như tình cảm huyết thống và công lao to lớn của ông bà trong việc xây dựng gia đình

-So sánh theo mức độ tăng tiến: bao nhiêu ... bấy nhiêu gợi nên nỗi nhớ trùng điệp, vô tận, không bao giờ nguôi, không bao giờ dứt

⇒Câu ca dao nói lên một tình cảm cao đẹp, đáng trân trọng của con gnuwoif Việt Nam: luôn hiếu thảo, biết ơn đối với đấng sinh thành

**4.Bài 4: Tiếng hát về tình cảm anh em ruột thịt**

-Sử dụng cặp từ “cùng chung”- “cùng thân”: khẳng định tình cảm anh em thân thương, mối quan hệ ruột thịt, sự gắn bó thân thiết

-Nghệ thuật so sánh “anh em” – “chân tay”: cách ví von giàu hình tượng gợi sự liên tưởng về mối quan hệ mật thiết, biết nương tựa lẫn nhau trong cuộc sống

⇒Bài ca dao nhắc nhở anh em trong cùng gia đình phải biết yêu thương lẫn nhau, nương tựa và cùng hỗ trợ lẫn nhau. Làm được điều đó sẽ khiến cha mẹ vui lòng

**Nội dung bài gồm: nh7ung4 câu hát về quê hương đất nước**

* [Câu 1: Nhận xét về bài 1, em đồng ý với ý kiến nào dưới đây: a. Bài ca là lời của một người và chỉ có một phần./ b. Bài ca có hai phần: Phần đầu là câu hỏi của chàng trai, phần sau là : lời đáp của cô gái...](https://baivan.net/content/bai-soan-sieu-ngan-nhung-cau-hat-ve-tinh-yeu-que-huong-dat-nuoc-con-nguoi-ngu-van-lop-7.html#c-u-1-nh-n-x-t-v-b-i-1-em-ng-v-i-ki-n-n-o-d-i-y-a-b-i-ca-l-l-i-c-a-m-t-ng-i-v-ch-c-m-t-ph-n-b-b-i-ca-c-hai-ph-n-ph-n-u-l-c-u-h-i-c-a-ch-ng-trai-ph-n-sau-l-l-i-p-c-a-c-g-i-)
* [Câu 2: Trong bài 1, vì sao chàng trai, cô gái lại dùng những địa danh với những đặc điếm (của từng địa danh) như vậy để hỏi - đáp?](https://baivan.net/content/bai-soan-sieu-ngan-nhung-cau-hat-ve-tinh-yeu-que-huong-dat-nuoc-con-nguoi-ngu-van-lop-7.html#c-u-2-trong-b-i-1-v-sao-ch-ng-trai-c-g-i-l-i-d-ng-nh-ng-a-danh-v-i-nh-ng-c-i-m-c-a-t-ng-a-danh-nh-v-y-h-i---p-)
* [Câu 3: Phân tích cụm từ “Rủ nhau” và nêu nhận xét của em về cách tả cảnh của bài 2. Địa danh và cảnh trí trong bài gợi lên điều gì? Suy ngẫm của em về câu hỏi cuối bài ca: “Hỏi ai gây dựng nên non nước này?”](https://baivan.net/content/bai-soan-sieu-ngan-nhung-cau-hat-ve-tinh-yeu-que-huong-dat-nuoc-con-nguoi-ngu-van-lop-7.html#c-u-3-ph-n-t-ch-c-m-t-r-nhau-v-n-u-nh-n-x-t-c-a-em-v-c-ch-t-c-nh-c-a-b-i-2-a-danh-v-c-nh-tr-trong-b-i-g-i-l-n-i-u-g-suy-ng-m-c-a-em-v-c-u-h-i-cu-i-b-i-ca-h-i-ai-g-y-d-ng-n-n-non-n-c-n-y-)
* [Câu 4: Nhận xét của em về cảnh trí xứ Huế và cách tả cảnh trong bài 3. Em hãy phân tích đại từ “ai” và chỉ ra những tình cảm ẩn chứa trong lời mời, lời nhắn gửi: “Ai vô xứ Huế thì vô...”](https://baivan.net/content/bai-soan-sieu-ngan-nhung-cau-hat-ve-tinh-yeu-que-huong-dat-nuoc-con-nguoi-ngu-van-lop-7.html#c-u-4-nh-n-x-t-c-a-em-v-c-nh-tr-x-hu-v-c-ch-t-c-nh-trong-b-i-3-em-h-y-ph-n-t-ch-i-t-ai-v-ch-ra-nh-ng-t-nh-c-m-n-ch-a-trong-l-i-m-i-l-i-nh-n-g-i-ai-v-x-hu-th-v-)
* [Câu 5: Hai dòng thơ đầu bài 4 có những gì đặc biệt về từ ngữ? Nhửng nét đặc biệt ấy có tác dụng, ý nghĩa gì?](https://baivan.net/content/bai-soan-sieu-ngan-nhung-cau-hat-ve-tinh-yeu-que-huong-dat-nuoc-con-nguoi-ngu-van-lop-7.html#c-u-5-hai-d-ng-th-u-b-i-4-c-nh-ng-g-c-bi-t-v-t-ng-nh-ng-n-t-c-bi-t-y-c-t-c-d-ng-ngh-a-g-)
* [Câu 6: Phân tích hình ảnh cô gái trong hai dòng cuối bài 4?](https://baivan.net/content/bai-soan-sieu-ngan-nhung-cau-hat-ve-tinh-yeu-que-huong-dat-nuoc-con-nguoi-ngu-van-lop-7.html#c-u-6-ph-n-t-ch-h-nh-nh-c-g-i-trong-hai-d-ng-cu-i-b-i-4-)
* [Câu 7: Bài 4 là lời của ai? Người ấy muốn biểu hiện tình cảm gì? Em có biết cách hiểu nào khác về bài ca này và có đồng ý với cách hiếu đó không? Vì sao?](https://baivan.net/content/bai-soan-sieu-ngan-nhung-cau-hat-ve-tinh-yeu-que-huong-dat-nuoc-con-nguoi-ngu-van-lop-7.html#c-u-7-b-i-4-l-l-i-c-a-ai-ng-i-y-mu-n-bi-u-hi-n-t-nh-c-m-g-em-c-bi-t-c-ch-hi-u-n-o-kh-c-v-b-i-ca-n-y-v-c-ng-v-i-c-ch-hi-u-kh-ng-v-sao-)
* [[Luyện tập] Câu 1: Em có nhận xét gì về thể thơ trong bốn bài ca dao?](https://baivan.net/content/bai-soan-sieu-ngan-nhung-cau-hat-ve-tinh-yeu-que-huong-dat-nuoc-con-nguoi-ngu-van-lop-7.html#-luy-n-t-p-c-u-1-em-c-nh-n-x-t-g-v-th-th-trong-b-n-b-i-ca-dao-)
* [[Luyện tập] Câu 2: Tình cảm chung thể hiện trong bốn bài ca dao là gì?](https://baivan.net/content/bai-soan-sieu-ngan-nhung-cau-hat-ve-tinh-yeu-que-huong-dat-nuoc-con-nguoi-ngu-van-lop-7.html#-luy-n-t-p-c-u-2-t-nh-c-m-chung-th-hi-n-trong-b-n-b-i-ca-dao-l-g-)

**CÁC LOẠI TỪ LÁY**

**Trả lời câu 1 (trang 41 sgk Ngữ Văn 7 Tập 1):**

Những từ láy có đặc điểm âm thanh giống và khác nhau:

- Tiếng láy lặp lại hoàn toàn tiếng gốc: đăm đăm.

- Biến âm để tạo nên sự hài hòa về vần và thanh điệu (đọc thuận miệng, nghe êm tai): mếu máo, liêu xiêu.

**Trả lời câu 2 (trang 41 sgk Ngữ Văn 7 Tập 1):**

Phân loại từ láy:

- Láy toàn bộ: đăm đăm

- Láy bộ phận: mếu máo, liêu xiêu.

**Trả lời câu 3 (trang 41 sgk Ngữ Văn 7 Tập 1):**

Không dùng bật bật và thẳm thẳm vì nó là những từ láy toàn bộ đã có sự biến đổi về thanh điệu và phụ âm cuối.

**NGHĨA CỦA TỪ LÁY**

**Trả lời câu 1 (trang 42 sgk Ngữ Văn 7 Tập 1):**

\* Nghĩa của các từ láy ha hả, oa oa, tích tắc, gâu gâu được tạo thành do đặc điểm mô phỏng âm thanh (từ tượng thanh).

**Trả lời câu 2 (trang 42 sgk Ngữ Văn 7 Tập 1):**

Các từ láy trong mỗi nhóm sau đây có điểm chung về âm thanh và về nghĩa:

a. lí nhí, li ti, ti hí: hình thành trên cơ sở miêu tả những âm thanh, hình khối, độ mở…của sự vật, có tính chất chung là nhỏ bé.

b. nhấp nhô, phập phồng, bập bềnh: hình thành trên cơ sở miêu tả ý nghĩa của sự vật theo mô hình: Khi A, khi B hoặc lúc A, lúc B.

**Trả lời câu 3 (trang 42 sgk Ngữ Văn 7 Tập 1):**

So sánh nghĩa của các từ láy mềm mại, đo đỏ với nghĩa của các tiếng gốc: mềm, đỏ.

- Ý nghĩa của *mềm mại, đo đỏ* đã được giảm nhẹ hơn so với ý nghĩa của *mềm, đỏ*.

Các bước tạo lập văn bản

**Câu 1 (trang 45 sgk Ngữ Văn 7 Tập 1):**

   Người ta có nhu cầu tạo lập văn bản khi muốn trao đổi thông tin, tình cảm, suy nghĩ,… với người khác.

**Câu 2 (trang 45 sgk Ngữ Văn 7 Tập 1):**

   Bốn vấn đề không thể bỏ qua : *Viết cho ai? Viết để làm gì? Viết về cái gì? Viết như thế nào?*

**Câu 3 (trang 45 sgk Ngữ Văn 7 Tập 1):**

   Sau khi xác định bốn vấn đề đó cần phải :

   - Tìm ý và sắp xếp ý tạo bố cục.

   - Viết thành văn bản hoàn chỉnh.

   - Kiểm tra.

**Câu 4 (trang 45 sgk Ngữ Văn 7 Tập 1):**

   Sau khi có ý và dàn bài cần phải viết thành văn. Việc *viết thành văn*cần có đủ các yêu cầu đã đưa trong SGK.

**Câu 5 (trang 45 sgk Ngữ Văn 7 Tập 1):**

   Văn bản cũng cần được *kiểm tra* sau khi hoàn thành. Việc kiểm tra cần dựa theo những tiêu chuẩn cụ thể : kiểm tra về nội dung, logic, cách diễn đạt, cách dùng từ, đặt câu, viết đoạn, chuyển ý, …

Luyện tập

**Câu 1 (trang 46 sgk Ngữ Văn 7 Tập 1):**

   Các văn bản của em nên có đầy đủ các yêu cầu, nội dung của một quá trình tạo lập văn bản.

**Câu 2 (trang 46 sgk Ngữ Văn 7 Tập 1):**

   **a.** Nếu bạn chỉ báo cáo thành tích học tập không thôi thì chưa đủ, mà phải từ thực tế học tập của bạn rút ra những kinh nghiệm để giúp bạn khác.

   **b.** Bạn luôn hướng về thầy cô cưng con (em) là chưa xác định đúng đối tượng giao tiếp. Mục đích của bạn báo cáo là viết cho bạn học sinh chứ không phải cho thầy cô, cho nên phải hướng về các bạn học sinh, xưng tôi với các bạn mới hợp lí.

**Những câu hát than thân**

- Hình ảnh cuộc đời con cò lam lũ, vất vả:

   + Từ láy giàu sức gợi hình, gợ cảm: “lận đận”

   + Thành ngữ gợi sự vất vả, lam lũ: “lên thác xuống ghềnh”

   + Hình ảnh đối lập: nước non – một mình, lên thác – xuống ghềnh, thân cò – thác ghềnh, bể kia đầy – sông kia cạn

⇒ Hình ảnh con cò vất vả long đong. Đồng thời, mượn hình ảnh con cò, tác giả muốn nói lên cuộc đời long đong, cơ cực của con người trong xã hội phong kiến

- Câu hỏi tu từ cùng đại từ phiếm chỉ “ai” diễn đạt nỗi oan trái mà cò gặp phải và sự gieo neo, khó nhọc, cay đắng của người lao động xưa. Đồng thời, thể hiện thái độ bất bình với kẻ làm cho cuộc sống của người nông dân trở nên cơ cực, vất vả, lênh đênh

⇒ Bài ca dao là lời than thân, trách phận của người nông dân trong xã hội cũ với cuộc sống long đong, lênh đênh, vất vả. Đồng thời, qua đó, tố cáo xã hội phong kiến bất công, là nỗi bất bình phản kháng của kẻ bị áp bức.

**2. Bài 2**

- Điệp từ “thương thay”:

   + Tô đậm thêm nỗi thương cảm, xót xa cho cuộc đời, số phận nhiều cay đắng, buồn tủi của người nông dân

   + Kết nối và mở ra những nỗi thương cảm khác

- Hình ảnh ẩn dụ:

   + Con tằm: thương cho thân phận suốt đời bị kẻ khác bòn rút sức lao động

   + Lũ kiến: thương cho những thân phận nhỏ nhoi, suốt ngày vất vả, lam lũ ngược xuôi nhưng vẫn nghèo túng

   + Hạc: cuộc đời phiêu bạt lận đận và những cố gắng không có hi vọng của người lao động

   + Con cuốc: thương thân phận thấp cổ bé họng, nỗi khổ đau không đòi được lẽ công bằng của người lao động

⇒ Nỗi khổ nhiều bề của người nông dân

⇒ Bài ca dao là lời than thân, trách phận của người nông dân về cuộc sống vất vả, nghèo khổ.

**3. Bài 3**

- Mở đầu bằng cụm từ “thân em” vốn quen thuộc trong ca dao, dân ca khi nói về thân phận của những người phụ nữ trong xã hội xưa

- Hình ảnh so sánh đặc biệt – trái bần, gợi nhiều suy nghĩ:

   + Phản ánh tính chất địa phương

   + Gợi nên cuộc sống lênh đênh, chìm nổi, vô định, không biết trôi dạt về đâu của người phụ nữ trong xã hội phong kiến

⇒ Bài ca dao diễn tả xúc động, chân thực cuộc đời cay đắng, lênh đênh, chòm nổi của người phụ nữu trong xã hội phong kiến. Họ không có quyến quyết định cuộc đời mình và bị lệ thuộc vào người khác.

Thế nào là đại từ?

Câu 1 (trang 55 sgk Ngữ Văn 7 Tập 1):

a. Nó: Trỏ nhân vật "em tôi"

b. Nó: Trỏ con gà của anh Bốn Linh.

Cơ sở nhận biết: Dựa vào ngữ cảnh và nghĩa các câu đứng trước, đứng sau.

Câu 2 (trang 55 sgk Ngữ Văn 7 Tập 1):

Từ thế trong đoạn văn thứ ba trỏ việc "đem chia đồ chơi". Điều này thấy được khi đọc các câu văn trước.

Câu 3 (trang 55 sgk Ngữ Văn 7 Tập 1):

Từ "ai" trong bài ca dao dùng để hỏi.

Câu 4 (trang 55 sgk Ngữ Văn 7 Tập 1):

Các từ nó, thế, ai trong các đoạn văn trên đóng vai trò chủ ngữ, phụ ngữ cho danh từ, phụ ngữ cho động từ.

Các loại đại từ

1. Đại từ để trỏ

a. Trỏ người, sự vật (đại từ xưng hô)

b. Trỏ số lượng

c. Trỏ hoạt động, tính chất

2. Đại từ để hỏi

a. Hỏi về người, sự vật

b. Hỏi về số lượng

c. Hỏi về hoạt động, tính chất, sự việc

Luyện tập Đại từ

Câu 1 (trang 56 sgk Ngữ Văn 7 Tập 1):



b. "mình" trong câu "Cậu giúp đỡ mình với nhé! "thuộc ngôi thứ nhất số ít. Còn hai từ "mình" ở câu thơ thuộc ngôi thứ hai số ít.

**Câu 2 (trang 57 sgk Ngữ Văn 7 Tập 1):**

Tìm ví dụ tương tự:

- Cháu mời ông bà xơi cơm.

- Anh cho em hỏi bài toán này nhé!

- Hôm nay, mẹ có đi làm không?

- Cô chờ ai đấy?

**Câu 3 (trang 57 sgk Ngữ Văn 7 Tập 1):**

Đặt câu:

- Ai mà chẳng thích được khen ngợi.

- Làm sao mà tôi biết được bạn đang nghĩ gì.

- Ta quý mến bạn bao nhiêu bạn sẽ quý mến ta bấy nhiêu.

**Câu 4 (trang 57 sgk Ngữ Văn 7 Tập 1):**

Với các bạn cùng lớp, cùng tuổi, em nên xưng hô tôi, mình, tớ, bạn, cậu, … Nếu ở trường, lớp có hiện tượng xưng hô thiếu lịch sự, chúng ta nên đưa ra lời góp ý, lời khuyên với bạn.

**Câu 5\* (trang 57 sgk Ngữ Văn 7 Tập 1):**

So với tiếng Anh:

- Số lượng: Của tiếng Việt đa dạng, phong phú hơn (ví dụ từ you – mang nghĩa số nhiều và số ít).

- Ý nghĩa biểu cảm: Đại từ tiếng Việt biểu cảm tinh tế. Ví dụ: Từ "you" trong tiếng anh có nghĩa là người ở ngôi thứ hai, trong tiếng Việt có thể là "mày, bạn, cậu,…"

Luyện tập tạo lập văn bản

Chuẩn bị ở nhà

**a.** Tìm hiểu đề và tìm ý

- Đối tượng: Một người bạn nước ngoài.

- Mục đích: Để bạn hiểu hơn về đất nước mình.

- Nội dung: Lịch sử, thiên nhiên, văn hóa, phong tục,… của đất nước Việt Nam. (trong khuôn khổ 1000 chữ chỉ nên kể về một hoặc một số lĩnh vực cụ thể)

- Hình thức: Viết thư (lời chào, thời gian, nội dung, kí tên,…)

\* Các ý (có thể tự chọn lĩnh vực):

- Truyền thống lịch sử đấu tranh oai hùng của dân tộc Việt Nam.

- Vẻ đẹp thiên nhiên với các danh lam thắng cảnh: Vịnh Hạ Long, biển Nha Trang, Sa Pa, đảo Phú Quốc, …

- Văn hóa, phong tục: Âm nhạc, nghệ thuật, tính đa dân tộc, màu sắc của các dân tộc anh em trên đất nước Việt Nam.

**b.** Dàn bài:

Mở bài: Thời gian, lời chào, người nhận, giới thiệu bản thân, lí do viết thư.

Thân bài:

- Lịch sử: Hơn 4000 năm dựng nước và giữ nước, trải qua bao thời đại thăng trầm, ngày nay Việt Nam đã trở thành một đất nước độc lập.

- Thiên nhiên: Bờ biển trải dài, được thiên nhiên ưu ái cho nguồn tài nguyên giàu có với rừng núi, đồng bằng, các loài động thực vật phong phú,… nét đẹp đa dạng.

- Văn hóa: Đa dạng, phong phú. 54 dân tộc anh em, 54 phong tục, lối sống có phần khác nhau, Việt Nam là quốc gia mang nhiều nét đẹp văn hóa truyền thống xen lẫn hiện đại: Tết, lễ hội,…

**Kết bài:** Lời chào, lời chúc, lời mời.

**c.** Viết một số đoạn:

**Mở bài:**

*Hà Nội ngày 08/03/2017*

*Bạn Sasaki thân mến!*

*Tớ là Nguyễn Lan Phương đến từ đất nước Việt Nam tươi đẹp. Tớ từng thấy đất nước Nhật Bản của bạn thật tuyệt vời trên ti vi. Mong sao một ngày tớ được đặt chân đến vùng đất nơi bạn đang sinh sống. Hôm nay tớ viết thư cho bạn vì muốn giới thiệu cho bạn về đất nước yêu quý của tớ.*

**Kết bài:**

*Việt Nam của tớ còn rất nhiều điều đẹp và thú vị. Nếu có cơ hội sang Việt Nam chơi hãy để tớ dẫn bạn đi. Giờ thì thư cũng dài rồi, tớ xin dừng bút tại đây. Mong một ngày sẽ có cơ hội gặp bạn ở Việt Nam.*

Đôi nét về tác phẩm Sông núi nước Nam

1. Hoàn cảnh ra đời

Bài thơ chưa rõ tác giả là ai và có nhiều lời kể về sự ra đời của bài thơ, trong đó có truyền thuyết: Năm 1077, quân Tống do Quách Quỳ chỉ huy xâm lược nước ta. Vua Lí Nhân Tông sai Lí Thường Kiệt đem quân chặn giặc ở phòng tuyến sông Như Nguyệt, bỗng một đêm, quân sĩ nghe từ trong đền thờ hai anh em Trương Hống và Trương Hát có tiếng ngâm bài thơ này

2. Bố cục (2 phần)

- Phần 1 (hai câu thơ đầu): Lời khẳng định chủ quyền của đất nước

- Phần 2 (hai câu còn lại): Quyết tâm bảo vệ chủ quyền, độc lập của dân tộc

3. Giá trị nội dung

“Sông núi nước Nam” là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc, khẳng định chủ quyền về lãnh thổ của đất nước và nêu cao ý chí bảo vệ chủ quyền đó trước mọi kẻ thù xâm lược

4. Giá trị nghệ thuật

- Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt ngắn gọn, súc tích

- Ngôn ngữ dõng dạc, giọng thơ mạnh mẽ, đanh thép, hùng hồn

II. Dàn ý phân tích tác phẩm Sông núi nước Nam

**I. Mở bài**

Giới thiệu khái quát về bài thơ “Sông núi nước Nam” (hoàn cảnh ra đời, khái quát giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật,…)

**II. Thân bài**

**1. Hai câu thơ đầu: Lời khẳng định chủ quyền của đất nước**

- Nam đế: hoàng đế nước Nam – ngang hàng với hoàng đế các nước phương Bắc, qua đó thể hiện lòng tự hào dân tộc

- Thiên thư: sách trời - Giới phận lãnh thổ của người Nam được quy định ở sách trời, điều này trở thành chân lý không thể chối cãi và không bất cứ ai có thể thay đổi được điều đó (với người Việt và người Trung tôn thờ thế giới tâm linh, thì trời chính là chân lý)

⇒ Khẳng định niềm tin, ý chí về chủ quyền dân tộc, tinh thần tự lập, tự chủ, tự cường của dân tộc

**2. Hai câu còn lại: Quyết tâm bảo vệ nền độc lập, chủ quyền của dân tộc**

- Kết cấu câu hỏi nhằm mục đích khẳng định nền độc lập dân tộc, khẳng định niềm tin chiến thắng của dân tộc ta

- Tác giả chỉ rõ, những kẻ xâm lược là trái đạo trời, đạo làm người- “nghịch lỗ”

- Cảnh cáo bọn giặc dã tất sẽ thất bại không chỉ vì trái đạo trời mà còn vì dân tộc ta sẽ quyết tâm đánh đuổi, bảo vệ chủ quyền đất nước đến cùng.

**III. Kết bài**

- Khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ:

   + Nội dung: khẳng định chủ quyền của dân tộc và ý chí quyết tâm bảo vệ chủ quyền ấy trước mọi kẻ thù xâm lược